

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I TIẾNG ANH LỚP 1

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 25 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

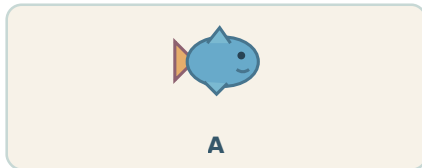
Unit 1–8: từ quen thuộc, âm/chữ b, c, a, d, i, e, g, h; I like...; Touch your...

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

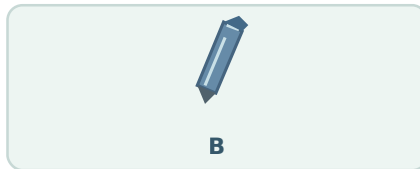
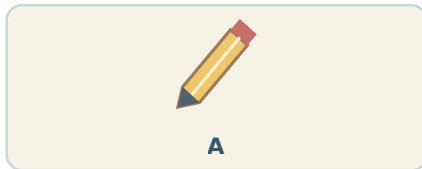
Câu 1 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

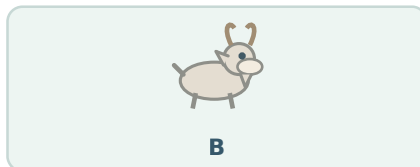
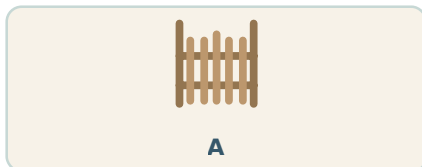
Câu 2 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

Câu 3 (1 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

II. READING · Đọc

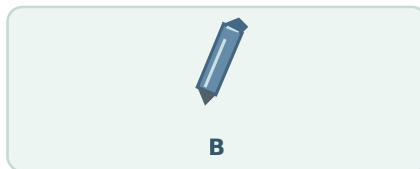
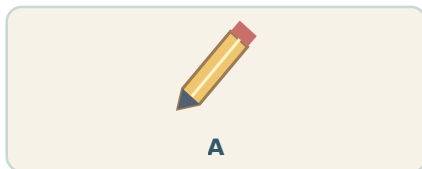
Câu 4 (1 điểm). Look and choose. Nhìn tranh, chọn từ đúng.



A. dog

B. fish

Câu 5 (1 điểm). Read and choose. Chọn tranh cho từ “pencil”.



A. Tranh A

B. Tranh B

Câu 6 (1 điểm). Choose the small letter. Chọn chữ thường tương ứng với G.

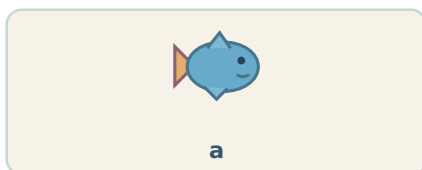
A. g

B. h

III. WRITING · Viết

Câu 7 (1 điểm). Look and copy. Viết lại hai từ: red; pen.

Câu 8 (1 điểm). Complete the words. Điền chữ còn thiếu:

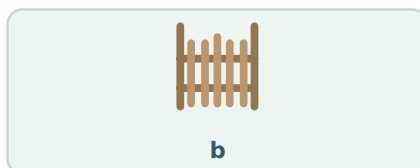


a) fi_h

b) _at

IV. SPEAKING & ACTIONS · Nói và làm theo

Câu 9 (1 điểm). Point and say. Chỉ vào tranh a, b và nói từ tiếng Anh.



Câu 10 (1 điểm). Listen and do. Nghe người lớn và làm theo hai lời hướng dẫn.

ĐÁP ÁN · LỜI ĐỌC · HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập cuối học kì i Tiếng Anh 1 Global Success – Bộ 1

Phần nghe: cho học sinh xem lựa chọn 20 giây, đọc chậm rõ mỗi lời hai lần, cách nhau 5 giây; chờ 5 giây trước câu kế. Không đọc tên chữ A/B/C hoặc đáp án. Có thể đọc giúp hướng dẫn tiếng Việt. Phần nói: chấm trực tiếp, ưu tiên hiểu và giao tiếp.

Câu 1 · 1 điểm

A. Tranh A

Lời đọc: I like fish.

- Lời đọc gọi tên hình ở phương án A.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 2 · 1 điểm

B. Tranh B

Lời đọc: A pen.

- Lời đọc gọi tên hình ở phương án B.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 3 · 1 điểm

A. Tranh A

Lời đọc: A gate.

- Lời đọc gọi tên hình ở phương án A.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 4 · 1 điểm

B. fish

- Fish là cá.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 5 · 1 điểm

A. Tranh A

- Pencil là bút chì, ở tranh A.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 6 · 1 điểm

A. g

- G viết thường là g.

Chọn đúng được 1 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 7 · 1 điểm

red; pen.

- Chấp nhận cách trình bày tương đương đúng.

Mỗi từ chép đúng 0,5 điểm.

Câu 8 · 1 điểm

a) fish; b) hat

- fi_h → fish.
- _at → hat.

Mỗi từ đúng 0.5 điểm.

Câu 9 · 1 điểm

a) goat; b) gate.

- Mỗi từ gọi đúng và đủ rõ: 0,5 điểm.
- Đáp án là ví dụ. Chấp nhận câu trả lời đúng với học sinh; không yêu cầu nói giống hết mẫu.

Mỗi từ gọi đúng và đủ rõ: 0,5 điểm. Không đòi hỏi giọng bản ngữ.

Câu 10 · 1 điểm

Học sinh chạm vào đầu, rồi chạm vào tóc theo từng lời yêu cầu.

- Đọc lần lượt “Touch your head.” và “Touch your hair.” Chờ học sinh thực hiện. Mỗi động tác đúng được 0,5 điểm.
- Đáp án là ví dụ. Chấp nhận câu trả lời đúng với học sinh; không yêu cầu nói giống hết mẫu.

Chạm đúng vào đầu: 0,5 điểm. Chạm đúng vào tóc: 0,5 điểm.

Nguồn đối chiếu và cách sử dụng

Đề ôn tập tự biên soạn sau khi học dạng bài của đề cũ và đối chiếu phạm vi. Thang điểm riêng của bộ đề; không phải đề chính thức của trường hoặc nhà xuất bản. Phần nghe dùng lời đọc mới ở trên, chưa có tệp âm thanh đi kèm. Câu mở chấp nhận cách trả lời khác đúng.

- [Đề cuối HKI Tiếng Anh 1, trường Xuân Thành, năm học 2024–2025 \(bản chia sẻ\)](#)
- [Tiếng Anh 1 – Sách giáo viên, NXBGDVN \(bản lưu Thư viện học liệu\)](#)